

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH TƯỜNG
TỈNH VINH PHÚC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2020/HNGĐ - ST

Ngày 12 tháng 6 năm 2020

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH TƯỜNG, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Minh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Tôn Thiết và ông Đặng Văn Minh

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Mạnh – Cán bộ Toà án nhân dân huyện Vinh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vinh Tường tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Văn Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vinh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 281/2019/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Ngọc H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Y, xã V, huyện Vinh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Trương Lê Thị L, sinh năm 1989

Quê quán: Xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nơi đăng ký HKTT: Thôn Y, xã V, huyện Vinh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/12/2019 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Ngọc H trình bày: Anh kết hôn với chị Trương Lê Thị L ngày 31/12/2009, trước khi cưới có tìm hiểu cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, sau khi cưới anh và chị L thuê nhà ở tại thành phố Việt Trì vì thời gian đó chị L làm công nhân may tại khu công nghiệp Thụy Vân, anh làm bảo vệ của Công ty xi

măng Hữu Nghị tình cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đầu năm 2014 vợ chồng chuyển về ở cùng với bố mẹ anh năm 2015 do vợ chồng làm ăn bị thua lỗ nên xảy ra mâu thuẫn, tháng 9/2016 chị L làm đơn xin ly hôn anh đến tháng 10/2016 chị rút đơn. Năm 2017 anh lại làm đơn xin ly hôn chị L Toà án giải quyết nhưng anh nghĩ các con còn nhỏ nên đã rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Đến tháng 10/2017 chị L bỏ nhà đi sau đó anh có đi tìm chị ở nhiều nơi như Hà Nội, Nam Định nhưng không thấy. Tháng 03/2018 anh vào thành phố Hồ Chí Minh tìm chị L thì thấy chị sống ở quận 7 cùng với ông chủ quán, anh chị bảo quay về nhưng chị không về sau đó ông chủ quán nơi chị L ở bị bắt về tội buôn bán ma túy thì chị L lại đến ở cùng anh tại Sài Gòn. Vợ chồng ở với nhau được 01 tuần nhưng chị L lại gọi điện hẹn hò với người con trai khác nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và chị L bỏ về quê Phú Thọ ở với bố mẹ nuôi. Hiện nay anh chỉ biết chị L đang ở thành phố Hồ Chí Minh còn địa chỉ cụ thể thì anh không biết, anh gọi điện thoại cho chị L nhưng chị không nghe máy và chặn số của anh, anh có nhắn tin bảo chị về Toà án để giải quyết việc ly hôn thì chị L nói sẽ không về. Do anh không biết địa chỉ của chị L ở đâu nên tháng 02/2020 anh đã thông báo tìm kiếm chị L vắng mặt tại nơi cư trú, thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2018 nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với chị L.

Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án không lấy được lời khai của bị đơn chị Trương Lê Thị L vì chị không có mặt ở địa phương, nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 25/12/2019 ông Trương Xuân Vạn và bà Nguyễn Thị Thập (bố mẹ chị L) trình bày: Ông bà là bố mẹ nuôi của chị L, từ năm 2004 ông bà nhận nuôi chị L đến năm 2009 chị L lấy chồng và ở cùng gia đình chồng tại xã V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc thỉnh thoảng chị có về thăm ông bà vào những ngày lễ tết. Tuy nhiên kể từ đầu năm 2018 đến nay chị L không về thăm hay liên lạc gì với ông bà, hiện chị L ở đâu làm gì ông bà không biết về mâu thuẫn giữa anh H và chị L ông bà không nắm được gì. Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung cũng như các vấn đề khác liên quan đến anh H chị L ông bà không có ý kiến gì đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung anh H khai: Anh và chị L có 02 con chung là cháu Trần Ngọc Thanh M sinh ngày 01/11/2010 và cháu Trần Đức T sinh ngày 07/10/2014, hiện

nay hai cháu đang ở với anh ly hôn anh xin nuôi cả hai cháu không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác anh H khai: Không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức anh H khai: Chị L ở chung cùng bố mẹ anh được khoảng 08 năm, trong thời gian này vợ chồng không mua sắm, kiến thiết tài sản gì ly hôn anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, điểm h khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự yêu cầu Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng dân sự: Anh Trần Ngọc H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết việc hôn nhân của anh và chị L theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Về sự vắng mặt của chị L tuy không lấy được lời khai của chị L nhưng Tòa án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án và các giấy tờ hợp lệ cho chị L theo quy định của pháp luật. Anh Trần Ngọc H đã thông báo tìm kiếm chị L vắng mặt tại nơi cư trú vì vậy căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L là đúng quy định pháp luật.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Năm 2009 anh Trần Ngọc H kết hôn với chị Trương Lê Thị L trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới có tìm hiểu có đăng ký kết hôn là cuộc hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nên đã có 02 con chung, trong quá trình chung sống do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên tháng 9/2016 chị L đã làm đơn xin ly hôn anh H đến tháng 10/2016 chị lại rút đơn. Sau đó anh Hà làm đơn xin ly hôn chị L và lại rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được.

Việc Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, điểm h khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự yêu cầu Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án là chưa phù hợp. Bởi lẽ quá trình giải quyết vụ án anh H đã cung cấp nơi cư trú cuối cùng của chị L là ở thôn Y, xã V, huyện Vĩnh Tường. Tòa án xác minh tại địa phương được biết hộ khẩu của chị L hiện nay vẫn ở thôn Y, xã V huyện Vĩnh Tường. Ngoài ra anh H còn cung cấp số điện thoại của chị L là 0392254515 đồng thời là số điện thoại sử dụng zalo của chị L, Tòa án gọi điện cho chị L chị nghe máy Tòa án giới thiệu tên và giải thích về việc anh H xin ly hôn với chị thì chị L tắt máy không trả lời. Tòa án gửi tin nhắn trên zalo chị L trả lời với nội dung là chị không thích giải quyết nên không về. Căn cứ vào điểm a, b Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì anh H đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của chị L, nhưng chị L đã thay đổi nơi cư trú, làm việc mà không thông báo cho anh H biết về nơi cư trú, làm việc thì được coi là cố tình dấu địa chỉ. Tuy chị L đã bỏ đi năm 2017 và anh H đã thông báo tìm kiếm chị L vắng mặt tại nơi cư trú nhưng không thấy chị L về, như vậy chị L đã cố tình dấu địa chỉ nhằm gây khó khăn cho anh H trong việc giải quyết ly hôn. Thực tế anh H chị L đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, bản thân chị L cũng đã có lần làm đơn xin ly hôn anh H sau đó chị lại rút đơn xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ rằng tình cảm vợ chồng thực sự không còn đời sống chung không đạt được, vì vậy nên giải quyết cho anh H được ly hôn với chị L là phù hợp.

[2]. Về con chung: Anh H, chị L có 02 con chung là cháu M và cháu T hiện nay các cháu còn nhỏ đang ở với anh H, ly hôn anh H xin nuôi con là chính đáng nguyện vọng của cháu M xin ở với anh H, mặt khác để các cháu có cuộc sống ổn định nên giao hai cháu cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác và công sức anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Ngọc H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo bản án các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm c, b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH 13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho anh Trần Ngọc H được ly hôn với chị Trương Lê Thị L.

Về con chung: Anh Trần Ngọc H tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Ngọc Thanh M sinh ngày 01/11/2010 và cháu Trần Đức T sinh ngày 07/10/2014 cho đến khi trưởng thành. Anh Trần Ngọc H không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác và công sức anh Trần Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0004772 ngày 02/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, anh H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trương Lê Thị L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CCTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đỗ Thị Minh Bình

